

Số: 852/QĐ-UBND

Phong Thổ, ngày 11 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư
Mường So, xã Mường So, huyện Phong Thổ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019 ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 04/4/2020 về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 204/QĐ-Ttg ngày 28/01/2013 của Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 52/2006/QĐ-UBND ngày 09/8/2006 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 31/12/2011 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mường So, huyện Phong Thổ giai đoạn 2011 -2015 và định hướng 2020;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện Phong Thổ về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Mường So, xã Mường So, huyện Phong Thổ;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 34/BCTĐ-KTHT ngày 04/5/2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Mường So xã Mường So, huyện Phong Thổ với những nội dung như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới, quy mô quy hoạch:

a) Phạm vi, ranh giới:

- Khu vực lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Mường So, huyện Phong Thổ có phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Đông Bắc giáp khu dân cư xã Mường So;
- Phía Tây Bắc giáp quốc lộ 100;
- Phía Nam và phía Đông giáp suối Nậm Lung;

b) Hiện trạng khu đất quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch có tổng diện tích tự nhiên 24,94ha. Trong đó đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm, đất trống chiếm tỷ lệ lớn nhất khoảng 90%, đất ở chiếm khoảng 2,35%, còn lại là đất giao thông.

2. Quy mô, tính chất quy hoạch:

a) Quy mô:

- Quy mô dân số: Khoảng 3.044 người;
- Quy mô diện tích: Khoảng 24,94 ha.

b) Tính chất: Là khu dân cư trung tâm mới xã Mường So với các chức năng là Trung tâm văn hóa, hành chính xã; Khu trung tâm thương mại huyện; Khu dân cư tập trung và điểm sinh hoạt văn hóa, du lịch cộng đồng người Thái...

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất	Tỷ lệ	Số lô	Dân số
			(m ²)	(%)		(người)
Diện tích đất nghiên cứu lập quy hoạch			249.469,15	100.00	761	3.044
A	Đất giao thông khu vực		14.496,57	5,81		
B	Diện tích đất lập quy hoạch		234.942,58	94,18	761	3.044
1	Đất công cộng	CC	4.277,66	1,71		

2	Đất chợ, trung tâm thương mại	TM	5.659,00	2,27		
3	Đất trường mầm non	MN	5.040,05	2,02		
4	Đất ở hiện trạng	TH	12.215,76	4,90		
5	Đất ở mới		90.782,48	36,39	761	3.044
5.1	Đất nhà ở liền kề loại 1	LK1	19.273,45	7,73	170	680
5.2	Đất nhà ở liền kề loại 2	LK2	46.234,47	18,54	531	2.124
5.3	Đất làng văn hóa người Thái	LVH	25.274,56	10,13	60	240
6	Đất cây xanh	CX	32.996,66	13,23		
7	Đất HTKT	THKT	828,37	0,33		
8	Đất bãi đỗ xe	P	4.057,13	1,63		
9	Đất hành lang kỹ thuật	HL	5.392,84	2,16		
10	Đất giao thông		73.692,63	29,54		

4. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a) Quy hoạch san nền:

Căn cứ vào vào cao độ và độ dốc nền hiện trạng chung của khu vực xây dựng, Cao độ hiện trạng của tuyến đường quốc lộ 100 và các tuyến đường xung quanh khu vực dự án. Chọn cao độ nền thiết kế khu quy hoạch trung bình từ 297,5 -310,0 m. Độ dốc nền được thiết kế tạo mái dốc thoát nước vào hệ thống cống dọc theo trục giao thông và thoát dần vào hệ thống thoát nước chung của khu vực, hướng về các cửa xả nằm gần sông Nậm Lung đi qua khu vực dự án;

Nền xây dựng các khu vực mới gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan dân cư mới;

Khoanh vùng các khu vực tiến hành san lấp, thiết kế đường đồng mức trong lô đảm bảo các lô đất có thể tự thoát nước mặt, đảm bảo tính mỹ quan cảnh quan trong lô đất, tạo điều kiện thuận lợi cho xây dựng công trình.

b) Quy hoạch thoát nước mưa:

Hệ thống thoát nước mưa của khu vực quy hoạch được chia thành 04 lưu vực thoát nước mưa phù hợp với điều kiện tự nhiên, địa hình và hiện trạng thoát nước mưa của khu vực;

- Lưu vực 1: Diện tích khoảng 4,85ha, nằm ở khu vực phía Đông Bắc của dự án giáp dân cư hiện trạng. Toàn bộ nước mưa lưu vực này được gom qua hệ thống cống D400, D600, được gom lại và dồn về cống D800 trước khi đổ ra sông Nậm Lung qua cửa xả GX1;

- Lưu vực 2: Diện tích khoảng 6,76ha tại khu vực xung quanh quảng trường của dự án. Toàn bộ nước mưa lưu vực này được gom qua hệ thống cống D400, D600, được gom lại và dồn về cống D800 trước khi đổ ra sông Nậm Lung qua cửa xả GX2;



- Lưu vực 3: Diện tích khoảng 5,36ha tại khu vực trung tâm hình chính xã Mường So mới. Toàn bộ nước mưa lưu vực này được gom qua hệ thống cống D400, D600, được gom lại và dồn về cống D800 trước khi đổ ra sông Nậm Lung qua cửa xả GX3;

- Lưu vực 4: Diện tích khoảng 7,14 ha toàn bộ khu vực phía Tây Nam dự án. Toàn bộ nước mưa lưu vực này được gom qua hệ thống cống D400, D600, D800, được gom lại và dồn về cống D1000 trước khi đổ ra sông Nậm Lung qua cửa xả GX4;

- Khu vực dân cư hiện hữu nước mưa được thoát theo địa hình tự nhiên tự thấm thấu và kết hợp thu gom thoát ra rãnh biên QL100 về sông Nậm Lung như hiện trạng. Một phần chảy theo địa hình vào dự án sẽ được thu gom theo hệ thống thoát nước mưa bố trí dọc theo các tuyến giao thông;

- Hệ thống thoát nước mưa của khu vực quy hoạch được xây dựng cho từng khu chức năng tùy theo địa hình khu vực thoát ra từng điểm xả hợp lý.

4.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Các tuyến N3, D4, D8 kết nối với giao thông đối ngoại và nội bộ thông qua đường quốc lộ 100 bao gồm quy mô mặt cắt ngang:

+ Mặt cắt 1 - 1: Tuyến đường D4 nằm dọc theo hướng Đông Bắc và Tây Nam dự án, là tuyến đường liên thông từ dự án ra các khu vực xung quanh. Mặt cắt ngang rộng 20,5m gồm phần đường xe chạy rộng 10,5m hè mỗi bên rộng 5,0m;

+ Mặt cắt 2 - 2: Tuyến đường N3 nằm song song với tuyến QL100. Mặt cắt ngang rộng 15,0m gồm phần đường xe chạy rộng 9,0m hè mỗi bên rộng 3,0m;

+ Mặt cắt 3 - 3: Tuyến đường D8 chạy dọc khu làng văn hóa người Thái cũng như các khu vực lân cận có mặt cắt ngang 13,5m gồm phần đường xe chạy 7,5m phần hè mỗi bên 3,0m;

+ Mặt cắt 4 - 4: Quy mô mặt cắt ngang rộng 12,0m được bố trí dọc theo suối Nậm So. Mặt cắt ngang gồm phần đường xe chạy rộng 3,75x2 hè bên rộng 3,0m và bên rộng 1,5m;

+ Mặt cắt 5 - 5: Quy mô mặt cắt ngang rộng 11,5m được bố trí dọc theo suối Nậm So. Mặt cắt ngang gồm phần đường xe chạy rộng 3,75x2, hè bên rộng 3,0m và bên rộng 1,0m;

- Bãi đỗ xe: Bố trí bãi đỗ xe trong khuôn viên các khu vực chợ và trung tâm thương mại.

4.3. Quy hoạch cấp điện:

Nguồn cấp: nguồn điện cấp cho dự án sẽ được đấu nối vào tuyến điện trung thế 35kV hiện có chạy dọc quốc lộ 100 phần ranh giới phía Tây của dự án.

- Đầu tư xây dựng mạng cáp ngầm có kết cấu theo dạng mạng phân nhánh kết hợp với mạng hình tia;

- Trạm biến áp 4 trạm biến áp thiết kế mới và 01 trạm biến áp hiện trạng: Bố trí các trạm biến áp theo kiểu kiosk, hợp bộ để cấp điện cho các phụ tải. Vị trí các trạm biến áp được lựa chọn sao cho gần trung tâm phụ tải dùng điện với bán kính

phục vụ không quá lớn (nhỏ hơn 300m) để đảm bảo tổn thất điện áp nằm trong giới hạn cho phép và gần đường giao thông để thuận tiện cho việc thi công;

- Lưới điện hạ thế gồm: các tuyến cáp ngầm 0,6/1kV xuất phát từ các lộ ra hạ thế của trạm biến áp đến các tủ điện tổng để phân phối điện cho các khu nhà;

- Vị trí các tủ điện tổng phân phối điện hạ áp cho các khu nhà được bố trí theo nguyên tắc: gần đường, thuận tiện cho việc thi công và quản lý, đặt gần tâm phụ tải và có bán kính phục vụ không quá lớn để đảm bảo tổn thất điện áp nằm trong giới hạn cho phép và không làm ảnh hưởng lớn đến mặt bằng xây dựng của các khu nhà;

- Tủ điện tổng phân phối điện hạ thế là loại kín, chống ẩm đặt ngoài trời có thể cố định trên bê tông đặt trên hè hoặc gắn vào tường đầu hồi của các khu nhà;

- Tuyến cáp hạ thế đi dọc theo các tuyến đường phố. Các nhà ở liền kề, biệt thự và các hộ tiêu thụ điện có các công tơ đo điện riêng, được lắp tập trung tại các tủ điện bố trí trên vỉa hè tại đầu lô của mỗi khu lô nhà;

- Nguồn cấp và nguồn sáng: Chiếu sáng đường phố sử dụng các bộ đèn chiếu sáng bán rộng gắn đèn LED tiết kiệm điện;

Nguồn điện chiếu sáng cho đèn được lấy ra từ các trạm biến áp xây dựng mới trong dự án. Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm nhằm đảm bảo cảnh quan cho khu vực.

4.4. Quy hoạch cấp nước:

a) Nguồn cấp nước sạch:

- Cấp nước từ nhà máy nước của huyện Phong Thổ về khu vực dự án;

- Chỉ tiêu cấp nước cho sinh hoạt, công trình công cộng, dịch vụ, nước tưới cây, rửa đường cụ thể như sau:

+ Nước sinh hoạt	120 l/người-ngày.đêm
+ Nước công trình công cộng, dịch vụ	5 l/m ² .sàn- ngày.đêm
+ Nước cấp cho trường mầm non	100 l/cháu
+ Nước tưới cây	3 l/m ²
+ Nước rửa đường	0,5 l/m ²

b) Mạng lưới đường ống cấp nước:

- Mạng lưới đường ống phân phối và dịch vụ là mạng vòng kết hợp mạng cụt. Các công trình được cấp nước trực tiếp từ mạng phân;

- Các tuyến ống phân phối có kích thước $\Phi 140\text{mm}$ - $\Phi 110\text{mm}$ được xây dựng dọc theo đường chính khu dân cư. Các tuyến ống này được bao trùm toàn bộ các công trình có nhu cầu dùng nước lớn đảm bảo cung cấp nước an toàn và ổn định cho khu vực khu đất;

- Các tuyến ống dịch vụ có đường kính $\Phi 50$ - $\Phi 75$ mm là các tuyến ống cụt, được xây dựng dọc theo các tuyến đường vào nhà, lấy nước từ các tuyến ống phân phối $\Phi 110$ - $\Phi 140$ mm để cấp nước cho các công trình thấp tầng theo áp lực của hệ thống cấp nước chung;



- Các tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ được bố trí trên hè đường đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với các công trình ngầm khác.

4.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Quy hoạch thoát nước thải:

- Xây dựng trạm nước thải tại ô đất hạ tầng kỹ thuật phía Tây Nam của dự án. Nước thải khu dân cư hiện trạng được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa hiện trạng của tuyến QL100 đến vị trí nút giao thông N16 bố trí hệ thống giếng tách thu gom nước thải của dân hiện trạng vào hệ thống thoát nước thải riêng của dự án đưa về trạm xử lý nước thải. Xử lý theo đúng quy định của pháp luật mới được xả thải ra môi trường;

- Toàn bộ nước thải trong dự án được thu gom thông qua mạng hệ thống đường cống D300mm thu gom dọc theo các tuyến giao thông, thoát về trạm xử lý nước thải chung của dự án.

b) Quy hoạch quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

*** Chất thải rắn:**

- Phân loại rác: phân loại rác ngay từ nơi thải ra thành 2 loại chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ. Chất thải rắn sau khi phân loại sẽ đưa về các công trình xử lý phù hợp;

- Phương thức thu gom:

+ Đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các tuyến đường theo các cụm công trình hoặc sử dụng xe vận chuyển thu gom theo giờ cố định, tập kết tại các điểm tập kết chất thải rắn;

+ Đối với công trình công cộng, chất thải rắn được thu gom thông qua các hợp đồng riêng với các đơn vị chức năng;

+ Đối với chất thải rắn đường phố: Bố trí hệ thống thùng rác nhỏ dọc theo các tuyến phố. Các thùng rác được chia ra các ngăn chứa các loại chất thải rắn theo đặc tính. Có thể thu hồi tái chế và phải xử lý;

Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn đường phố được thu gom tập trung tại trạm trung chuyển rác tại khu đất hạ tầng phía Nam dự án để vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn chung của huyện.

*** Nghĩa trang:**

Trong khu vực dân cư của dự án không bố trí nghĩa trang tập trung.

4.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

Nguồn cấp: Nguồn cấp thông tin liên lạc cho khu dân cư được lấy trên mạng lưới thông tin liên lạc dự kiến trên đường quốc lộ 100;

Cấp thông tin liên lạc được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE luồn cáp.

Từ tủ cáp thông tin liên lạc đi ngầm theo hệ thống điện sinh hoạt vào các hộ sử dụng trong khu vực.

5. Thiết kế đô thị:

a) Khu vực cây xanh, công viên:

+ Không gian xanh của dự án được phân bố 08 lô đất, trong đó các lô đất cây xanh kết nối với nhau thành trục giữa phần lõi của dự án, phân bố điểm xuyên ở lõi giữa một số lô đất nhà ở liên kề. Các không gian xanh ngoài việc bố trí hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo còn được bố trí các công trình phụ trợ (kiot dịch vụ, chòi nghỉ, nhà vệ sinh công cộng) quy mô nhỏ để phục vụ cộng đồng.

b) Khu công cộng khu vực:

+ Công trình công cộng khu vực có vị trí thuận lợi giao thông để phát triển chức năng công cộng kết hợp thương mại dịch vụ cho khu vực xung quanh. Toàn bộ công trình có tầng cao là 3 tầng, tầm nhìn hướng ra các trục đường quy hoạch mới vừa tạo được không gian cảnh quan đẹp kết nối với khu vực tiệm cận, đồng thời vẫn đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân.

b) Khu nhà ở thấp tầng:

+ Được bố trí nằm khu vực phía Đông và phía Tây Nam dự án, các công trình nhà ở liên kề, nhà ở biệt thự được tổ chức thành từng tuyến song song, vuông góc với nhau theo mạng lưới giao thông hình răng lược;

+ Các khu nhà ở có tầng cao 2- 4 tầng (chưa bao gồm tầng hầm), đảm bảo mật độ xây dựng 88%, chiều cao tầng 1 là khoảng 3,6m, chiều cao tối đa khoảng 14,4m được thiết kế kiến trúc hiện đại, phù hợp với cảnh quan khu vực.

c) Các điểm nhấn trong không gian đô thị

+ Hệ thống không gian mở là sự kết hợp giữa hệ thống cây xanh, đường dạo, quảng trường, không gian đường phố và các không gian cây xanh sân chơi công cộng trong các nhóm công trình;

+ Tổ chức công viên cảnh quan dân cư dạng các công viên mở, tạo không gian nghỉ ngơi, thư giãn, đồng thời kết hợp với các tiện ích để người dân có thể đi dạo, picnic... trong các khu cây xanh sinh thái, yên tĩnh;

+ Bố trí các vườn hoa, sân chơi trên các trục giao thông chính, trong khuôn viên các công trình cao tầng, công trình công cộng có không gian thoáng, nhiều điểm nhìn đẹp.

d) Quy hoạch không gian chiều cao và mật độ xây dựng

Việc quy hoạch chiều cao và mật độ xây dựng được căn cứ theo quy hoạch chung, và tuân thủ theo nguyên tắc thấp dần về phía Nam và khu vực cảnh quan, cây xanh, mặt nước nhằm tạo nên sự chuyển tiếp giữa các không gian ở và sinh thái, tạo nên sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Tầng cao quy định chung của công trình là 4 tầng.

6. Các bản vẽ kèm theo:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500

- Các bản vẽ thiết kế đô thị
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch giao thông, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - đường đồng mức san nền, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - san nền, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật - thoát nước mưa, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch cấp nước, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và VSMT, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch mạng lưới cấp điện, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ QH cấp điện chiếu sáng, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống, tỷ lệ 1/500
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500
- Thuyết minh tổng hợp kèm bản vẽ A3:01 quyền
- Quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết
- Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết

7. Đánh giá tác động môi trường chiến lược:

Nội dung đánh giá môi trường chiến lược (ĐCM): Đồ án quy hoạch chi tiết đã có đầy đủ các thông tin định lượng về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng, nội dung của ĐCM có thể chuyển thành nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Quy trình thực hiện, nội dung báo cáo và thẩm định báo cáo ĐTM thực hiện theo các quy định của pháp luật về đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao Phòng kinh tế và Hạ tầng phối hợp với UBND xã Mường So tổ chức công bố công khai quy hoạch và cắm mốc quy hoạch ngoài thực địa theo đồ án được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Mường So và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trương Thế Mẫn